

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2025.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Thiện.

Bà Trần Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Đồng Nai (trước đây là huyện B, tỉnh Bình Phước) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Kiều L, sinh năm 2002. Số CCCD: 0703 0200 6752. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 5, xã BB, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã BB, tỉnh Đồng Nai).

2. *Bị đơn:* Anh Nông Quốc T, sinh năm 1999. Số CCCD: 070099005888. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 5, xã BB, huyện B, tỉnh Bình Phước (xã BB, tỉnh Đồng Nai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Kiều L trình bày:**

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2020; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BB, huyện B từ năm 2020. Quá trình

chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nguyên nhân do tính cách và phong tục hai bên khác nhau, mâu thuẫn về các công việc gia đình. Ngoài ra, anh T không lo làm ăn và sử dụng ma túy. Theo thông tin chị được biết trong năm 2024 anh T đã bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng đến nay chưa thi hành, do anh T thường xuyên không có mặt ở nhà.

Chị và anh T có 01 con chung là Nông Phan Khánh H, sinh ngày 05/8/2020. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trước đây chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thành niên. Tuy nhiên, do anh T không có công việc và thu nhập ổn định nên hiện nay chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

3. Đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nông Quốc T quá trình giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng không gửi ý kiến, không tham gia làm việc và không tham gia phiên tòa sơ thẩm.***

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Đồng Nai phát biểu ý kiến:
Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cho chị L được nuôi dưỡng; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Các bên tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã BB, huyện B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 25/5/2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn thì trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân do không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình, anh T không chăm lo gia đình và tham gia tệ nạn xã hội. Các bên đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn. Phía anh T đã được Tòa án triệu tập

hiều lần nhưng không gửi ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm nên coi như tự từ bỏ quyền chứng minh đối với phía nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

- Về con chung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và lời khai đương sự thể hiện có 01 con chung là Nông Phan Khánh H, sinh ngày 05/8/2020. Quá trình giải quyết chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không gửi ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích của con chưa thành niên, cần thiết giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, các bên có quyền thăm nom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng là phù hợp.

Các bên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Chị Phan Kiều L được ly hôn với anh Nông Quốc T.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 25/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã BB, huyện B, tỉnh Bình Phước)

2. Về con chung: Giao con chung Nông Phan Khánh H, sinh ngày 05/8/2020 cho chị Phan Kiều L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phan Kiều L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009632 ngày 28/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực A – Đồng Nai).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực A;
- Phòng THADS Khu vực A;
- UBND xã BB;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS -VP.

(Số lượng: 10 bản)

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình